

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC- DẠY NGHỀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4/2023



Tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	4
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	5 - 16

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.834.665.607	16.550.015.872
I. Tiền	110	4	1.443.235.937	2.929.422.991
1. Tiền	111		1.443.235.937	2.929.422.991
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.047.445.023	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.047.445.023	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.641.637.505	1.210.223.394
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.655.685.796	1.455.348.624
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		160.500.000	0
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	145.919.190	70.593.151
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	7	(320.467.481)	(315.718.381)
IV. Hàng tồn kho	140	8	5.679.674.642	7.409.254.488
1. Hàng tồn kho	141		6.905.685.116	7.960.311.836
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.226.010.474)	(551.057.348)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.672.500	1.114.999
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	22.672.500	1.114.999
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		955.562.928	1.520.441.934
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.176.000	65.072.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	22.176.000	65.072.000
II. Tài sản cố định	220		655.190.468	856.787.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	655.190.468	856.787.534
- Nguyên giá	222		1.315.932.400	1.315.932.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(660.741.932)	(459.144.866)
III. Tài sản dài hạn khác	260		278.196.460	598.582.400
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	278.196.460	598.582.400
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.790.228.535	18.070.457.806



GIÁM ĐỐC
Trần Đình Hoàng

Trần Đình Hoàng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2024

Huyen
Nguyễn Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

Huyen
Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		927.404.822	2.042.699.291
I. Nợ ngắn hạn	310		927.404.822	2.042.699.291
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	658.976.435	744.720.978
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	10.000.000	3.800.000
3. Thuế và các tài khoản nộp nhà nước	313	13	64.008.144	372.089.312
4. Phải trả người lao động	314		0	441.565.203
5. Chi phí phải trả ngắn hạn khác	315		0	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	98.596.180	85.174.735
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		95.824.063	395.349.063
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		12.862.823.713	16.027.758.515
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	12.862.823.713	16.027.758.515
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		962.203.411	962.203.411
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.620.302	3.175.555.104
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.775.555.104	1.775.555.104
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.764.934.802)	1.400.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		13.790.228.535	18.070.457.806



GIÁM ĐỐC
Trần Đình Hoàng

Huyền

Huyền

Trần Đình Hoàng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2024

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4.2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Đơn vị: VND	
					Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	3.235.309.996	2.414.684.261	15.584.587.903	40.051.891.923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.235.309.996	2.414.684.261	15.584.587.903	40.051.891.923
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	2.148.736.030	1.236.398.945	12.407.999.809	30.763.413.558
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.086.573.966	1.178.285.316	3.176.588.094	9.288.478.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	116.429.433	57.896.978	224.643.141	115.951.742
7. Chi phí bán hàng	25		872.066.380	209.800.782	1.474.506.126	1.546.114.183
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		730.105.628	958.810.140	3.477.636.209	5.779.744.318
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21-(25+26)}	30		(399.168.609)	67.571.372	(1.550.911.100)	2.078.571.606
10. Thu nhập khác	31		10.873.168	5.503.920	10.873.669	113.769.261
11. Chi phí khác	32		175.029.892	34.613.991	224.897.371	142.879.332
12. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(164.156.724)	(29.110.071)	(214.023.702)	(29.110.071)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(563.325.333)	38.461.301	(1.764.934.802)	2.049.461.535
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	38.994.401	-	468.189.544
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(563.325.333)	(533.100)	(1.764.934.802)	1.581.271.991



GIÁM ĐỐC
Trần Đình Hoàng

Trần Đình Hoàng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2024

Huyen

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

Huyen

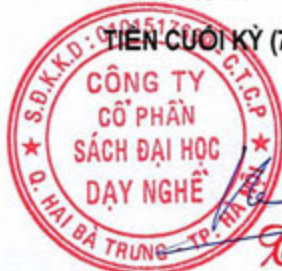
Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý 4.2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	14.050.782.057	40.037.865.296
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(11.974.392.951)	(32.039.956.466)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.359.184.333)	(3.849.726.500)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(268.189.544)	(362.128.649)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	281.008.004	223.809.284
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(897.429.549)	(1.771.642.987)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(1.167.406.316)	2.238.219.978
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.500.000.000)	(5.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.500.000.000	5.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.164.000)	(73.516.960)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.640.572	58.858.591
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	1.028.476.572	(14.658.369)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.347.257.310)	(1.347.243.660)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(1.347.257.310)	(1.347.243.660)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50	(1.486.187.054)	876.317.949
TIỀN ĐẦU KỲ	60	2.929.422.991	2.053.105.042
TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50 + 60)	70	1.443.235.937	2.929.422.991



GIÁM ĐỐC
Trần Đình Hoàng

Huyen

Huyen

Trần Đình Hoàng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2024

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ - TC ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28 tháng 7 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất ngày 14 tháng 3 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 06 ngày 14 tháng 03 năm 2023 của Công ty là 10.000.000.000 VND.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty tại 25 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 16 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành, báo, tạp chí bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	462A/3, Trần Hưng Đạo - Phường 02 - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập theo cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Phí quản lý xuất bản, phí mua bản quyền ấn phẩm cho các loại sách được phân bổ căn cứ số lượng sách in nhập kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp là giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Phát hành sách Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Mỹ thuật Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Ban lãnh đạo Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ25 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	27.135.370	104.340.919
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.416.100.567	2.825.082.072
Cộng	1.443.235.937	2.929.422.991

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2023	01/01/2023
<i>a) Bên liên quan</i>	228.251.523	16.276.000
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	25.795.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	202.456.523	-
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	0	16.276.000
<i>b) Đối tượng khác</i>	1.427.434.273	1.439.072.624
Công ty CP NC, ƯD & thực nghiệp công nghệ REAP	0	257.400.000
Công ty CP Tri thức văn hóa sách Việt nam	134.055.680	225.200.225
Công ty CP Hàng không Tre việt	730.158.800	-
Các đối tượng khác	563.219.793	956.472.399
Cộng	1.655.685.796	1.455.348.624

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2023	01/01/2023
Ký cược, ký quỹ	63.776.000	78.572.000
Lãi dự thu	104.315.174	57.093.151
Cộng	168.091.174	135.665.151

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2023	01/01/2023
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm</i>	0	3.630.900
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm</i>	0	15.000.000
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm</i>	0	14.000.000
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn trên 3 năm</i>	320.467.481	283.087.481
Cộng	320.467.481	315.718.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu	331.047.791	-	322.642.770	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	5.690.784.054	(1.224.380.899)	6.738.301.139	(540.712.643)
Hàng hóa	883.853.271	(1.629.575)	899.367.927	(10.344.705)
Cộng	6.905.685.116	(1.226.010.474)	7.960.311.836	(551.057.348)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị: VND

	31/12/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn	22.672.500	1.114.999
Phí quản lý xuất bản	3.132.500	1.114.999
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.540.000	-
b) Dài hạn	278.196.460	598.582.400
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	0	478.333.460
Chi phí bản quyền bộ sách Larouss chưa xuất bản	-	115.093.440
Chi phí mua bản quyền ấn phẩm	4.332.500	5.155.500
Cộng	300.868.960	599.697.399

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2023	1.315.932.400	1.315.932.400
31/12/2023	1.315.932.400	1.315.932.400
Khấu hao		
01/01/2023	459.144.866	459.144.866
31/12/2023	660.741.932	660.741.932
Giá trị còn lại		
01/01/2023	856.787.534	856.787.534
31/12/2023	660.741.932	660.741.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2023	01/01/2023
a) Bên liên quan	78.168.944	405.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	78.168.944	405.000
b) Đối tượng khác	580.807.491	744.315.978
Phải trả nhuận bút tác giả năm 2022	31.899.996	305.516.496
Phải trả nhuận bút tác giả năm 2023	261.822.997	-
Công ty cổ phần In Phúc yên	125.024.977	300.000.000
Công ty cổ phần văn hóa Hà Nội	92.445.000	50.000.180
Phải trả người bán khác	69.614.521	88.799.302
Cộng	658.976.435	744.720.978

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2023	01/01/2023
Các đối tượng khác	10.000.000	3.800.000
Cộng	10.000.000	3.800.000

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2023	01/01/2023
Thuế giá trị gia tăng	15.711.384	16.151.749
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	268.189.544
Thuế thu nhập cá nhân	48.296.760	87.748.019
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	64.008.144	372.089.312

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	31/12/2023	01/01/2023
Phải trả các khoản trích theo lương	98.596.180	85.174.735
Cộng	98.596.180	85.174.735

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Đơn vị: VND Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.175.555.104
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.400.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	(1.764.934.802)
Số dư tại 31/12/2023	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	10.620.302

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	31/12/2023	Đơn vị: VND 01/01/2023
Vốn đầu tư của Nhà Xuất bản giáo dục VN	2.173.000.000	2.173.000.000
Trần Thị Thu Hằng	1.530.000.000	1.530.000.000
Đặng Trần Bảo Tín	1.030.200.000	1.030.200.000
Phạm Lê Tú Uyên	1.020.000.000	1.020.000.000
Đặng Hồng Thi	499.800.000	499.800.000
Vốn góp của các cổ đông khác	3.747.000.000	3.747.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2023	Đơn vị: VND 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 (VND)		

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

Tên đơn vị	Giá trị	Đơn vị: VND Nguyên nhân
CTTNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.924	Khách hàng đã phá sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 4/2023	Đơn vị: VND Quý 4/2022
Doanh thu bán hàng	3.235.309.996	2.414.684.261
Cộng	3.235.309.996	2.414.684.261

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý 4/2023	Đơn vị: VND Quý 4/2022
Giá vốn của hàng tồn kho đã tiêu thụ	2.148.736.030	1.236.398.945
Cộng	2.148.736.030	1.236.398.945

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 4/2023	Đơn vị: VND Quý 4/2022
Lãi tiền gửi, tiền tiết kiệm, cho vay	116.429.433	57.896.978
Cộng	116.429.433	57.896.978

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4/2023	Đơn vị: VND Quý 4/2022
Chi phí bán hàng	872.066.380	209.800.782
Chi phí quản lý doanh nghiệp	730.105.628	958.810.140

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 4/2023	Đơn vị: VND Quý 4/2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(563.325.333)	38.461.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	38.994.401
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(563.325.333)	(533.100)

22. THU NHẬP KHÁC

	Quý 4/2023	Đơn vị: VND Quý 4/2022
Hạch toán công nợ nhỏ lẻ	468	-
Thu chi hộ cước vận chuyển sách	-	1.318.170
Nhập sách thừa	10.536.700	3.330.750
Thu từ thanh lý sách	336.000	855.000
Cộng	10.873.168	5.503.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 4/2023	Đơn vị: VND Quý 4/2022
Chi phí phạt do CBTT không đúng hạn	55.000.000	-
Hạch toán công nợ nhỏ lẻ	10.799	-
Chi hộ cước vận chuyển	-	1.318.170
Chi phí mua bản quyền bộ Larousse thiếu nhi	115.093.440	-
Chi phí sách thiếu sau kiểm kê	4.925.653	33.295.821
Cộng	175.029.892	34.613.991

24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a/ Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP sách và TBDG miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP sách và TBDG miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP sách và TBGD miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư

b/ Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong quý 4/2023

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị: VND Giá trị
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Cung ứng STK	25.795.000
Công ty DVXB giáo dục tại Hà Nội	Dịch vụ biên tập sách	17.560.800
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, thuê văn phòng	89.999.770
Công ty CP In Phúc Yên	In sách ĐH-DN, ANQP	333.300.498
Công ty cổ phần Văn hóa Hà nội	In sách ĐH-DN, ANQP	152.910.000



Trần Đình Hoàng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2024

GIÁM ĐỐC
Trần Đình Hoàng

Huyen
Nguyễn Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

Huyen
Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập biểu